

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16- 5- 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/**2018**/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm **2018** về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lăm Thị Kim X - sinh năm 1987 (có mặt).

Thường trú: ấp Rạch N, xã Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở hiện nay: ấp Rau Dừa, xã Phú Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh Trần Tấn K - sinh năm 1991 (vắng mặt).

Trú tại: ấp Rạch N, xã Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 12-3-**2017** và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lăm Thị Kim X trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 2002, chị X và anh Trần Tấn K tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh K thường xuyên nhậu và đánh đập chị X. Hơn nữa, anh K đang chung sống với người phụ nữ khác, không còn quan tâm vợ, con. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể đoàn tụ nên chị X yêu cầu ly hôn với anh K.

Về nuôi con chung: Chị X và anh K có 02 người con chung tên là Trần An Kh – sinh ngày 21-11-2004 và Trần Tấn K – sinh ngày 19-8-2010, đang sống với

chị X. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị X tự thỏa thuận với anh K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải ngày 20-4-2018, bị đơn anh Trần Tấn K trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian chung sống, điều kiện kết hôn đúng như chị Lâm Thị Kim X trình bày. Anh K xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, không đánh đập chị X. Chị X yêu cầu ly hôn, anh K xin đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Anh K và chị X có 02 người con chung đúng như chị X trình bày. Anh K đồng ý giao hai con là Trần An Kh – sinh ngày 21-11-2004 và Trần Tấn K – sinh ngày 19-8-2010 cho chị X nuôi dưỡng theo nguyện vọng của hai con. Anh K không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh K tự thỏa thuận với chị X, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Trần Tấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] *Về hôn nhân:* Năm 2002, chị Lâm Thị Kim X và anh Trần Tấn K tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Vậy, hôn nhân giữa chị X và anh K đã vi phạm về mặt hình thức.

Mặt khác, theo chị X xác định cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh K thường xuyên nhậu và đánh đập chị X nhưng anh K không thừa nhận, chị X cũng không có chứng cứ chứng minh. Về phía anh K xác định vợ chồng không có mâu thuẫn và xin đoàn tụ vì còn thương vợ. Tuy nhiên, anh K cũng không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với chị X. Trong khi đó, chị X cương quyết ly hôn với anh K. Nếu Tòa án không chấp nhận cho ly hôn thì chị X cũng không thể chung sống với anh K. Xét mục đích hôn nhân giữa chị X và anh K không đạt được và không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh K và chị X có 02 người con chung là Trần An Kh – sinh ngày 21-11-2004 và Trần Tấn K – sinh ngày 19-8-2010. Anh K đồng ý giao hai con cho chị X nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con. Tòa án đã làm việc, hai cháu An Kh và Tấn K có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Vậy, giao cháu An Kh và Tấn K cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị X yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật. Tại biên bản hòa giải ngày 20-4-2018, mặc dù anh K không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X, buộc anh K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu An Kh và Tấn K là 1.300.000 đồng/tháng (mỗi cháu 650.000 đồng/tháng), liên tục hàng tháng cho đến khi hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung*: Anh K và chị X tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Riêng anh K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lăm Thị Kim X và anh Trần Tấn K.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung là Trần An Kh – sinh ngày 21-11-2004 và Trần Tấn K – sinh ngày 19-8-2010 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Buộc anh Trần Tấn K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Trần An Kh – sinh ngày 21-11-2004 và Trần Tấn K – sinh ngày 19-8-2010 tổng cộng là 1.300.000 đồng/tháng (mỗi cháu 650.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất phát sinh tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Anh K và chị X tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 12-3-2018, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007908 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm **nguyên đơn** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc